

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2018

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên.

2. Bà Trần Thị Đổi.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1100/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/11/2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/12/2017 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 166/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 26/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1986 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng trú ấp C, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2017 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Huỳnh Anh T cưới nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Ông T không chu cấp hỗ trợ bà để chăm sóc gia đình, nhiều lần ông T ra tay đánh đập bà. Bà đã khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình. Bà và ông T ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà xin ly hôn với ông Huỳnh Anh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Hoàng Kh, sinh ngày 12/7/2011 và Huỳnh Thị Hoàng K, sinh ngày 12/8/2014, khi ly hôn bà H yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Bà H trình bày tài sản chung giữa bà và ông T để bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung bà và ông T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Huỳnh Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, ông T cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Đối với bà H có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông T cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đức Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/3/2011 (số 44/2011, quyển số 01/2011) nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông T được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông T, không quan tâm chăm sóc vợ con nên mới xin ly hôn. Ông T được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà H xin ly hôn với ông T tại Tòa án nhưng ông T không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Tòa bà H vẫn xác định không còn tình cảm gì với ông T và cương quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu của bà H đối với ông Huỳnh Anh T.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là Huỳnh Hoàng Kh, sinh ngày 12/7/2011 và Huỳnh Thị Hoàng K, sinh ngày 12/8/2014. Ông T không có ý kiến nào phản đối yêu cầu của Bà H về nuôi con chung. Xét thấy các cháu Kh và K hiện nay do bà H đang trực tiếp nuôi dưỡng và phát triển ổn định, bình thường. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao hai cháu Huỳnh Hoàng Kh và Huỳnh Thị Hoàng K cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị H xác định, bà và ông T sống với nhau tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề về tài sản chung và nợ chung của bà H và ông T.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, tranh chấp về tài sản chung và nợ chung, thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Anh T.

Về quyền nuôi con chung: Bà Hoàng Thị H được quyền tiếp tục nuôi hai con tên Huỳnh Hoàng Kh, sinh ngày 12/7/2011 và Huỳnh Thị Hoàng K, sinh ngày 12/8/2014, ông Huỳnh Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà H không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Hương đã nộp tại biên lai thu số 0001635 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành. Hoàn lại cho bà Hoàng Thị H số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001636 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành Án dân Sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Tân Mỹ.
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài

